

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM THỦY
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 195/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/12/2024
V/v: Tranh chấp Ly hôn và nuôi
con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Thọ; ông Trịnh Huy Phương.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy:** Bà Lê Thị Cẩm Nhung – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2024/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 8 năm 2024, về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Huy H, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/8/2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị và anh Lê Huy H kết hôn với nhau ngày 17/02/2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C. Hai bên lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, anh H1 là người gia trưởng cố chấp nên vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Nay xét thấy tình cảm không còn nên chị đề nghị được ly hôn anh Lê Huy H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày

11/02/2016. Cháu Á hiện nay đang ở cùng chị T nên chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Á. Cháu T1 và cháu H2 đang ở với anh H nên chị đề nghị giao cháu T1 và cháu H2 cho anh H nuôi dưỡng, chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Huy H trong bản tự khai ngày 05/12/2024 trình bày: Anh và chị Bùi Thị T do tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào ngày 17/02/2011, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nay chị T đề nghị ly hôn thì anh nhất trí.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016. Khi ly hôn anh đề nghị được nuôi dưỡng cháu Lê Thái T1 và cháu Lê Huy H2, đồng ý giao cháu Lê Thị Ngọc Á cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C: Chị Bùi Thị T và anh Lê Huy H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Chị T và anh H do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C ngày 17/02/2011. Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016. Về mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh H chính quyền địa phương không biết vợ chồng mâu thuẫn thế nào vì anh chị cũng không đề nghị hòa giải tại địa phương.

Theo biên bản xác minh ngày 05/12/2024 bà Bùi Thị T2 là mẹ đẻ anh Hậu cung C thông tin như sau: Anh H và chị T do tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C. Sau khi kết hôn được một thời gian thì cả chị T, anh H đều đi làm công ty đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không rõ nhưng vợ chồng đã ly thân nhau từ đó cho đến nay. Về con chung, chị T và anh H có 03 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016. Cháu Á đang ở với mẹ, cháu T1 và cháu H2 sống cùng anh H và ông bà nội nhưng do anh H đi làm ăn xa nên ông bà nội chăm sóc cháu T1 và cháu H2, hàng tháng anh H gửi tiền về cho ông bà nội chăm lo cho các cháu. Nay bà đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của hai vợ chồng giao cháu Lê Thái T1 và cháu Lê Huy H2 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thị Ngọc Á cho chị T nuôi dưỡng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57; 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 – BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị xử cho chị T được ly hôn anh H; Về con chung: Đề nghị giao Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; căn cứ vào các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và anh Lê Huy H đều có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy quy định tại điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nguyên đơn, bị đơn hợp lệ hai lần, nhưng anh Lê Huy H không có mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ. Anh H có gửi bản tự khai, đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt qua bà Bùi Thị T2 (mẹ đẻ anh H), anh trình bày: Anh đồng ý ly hôn, nhưng vì lý do công việc nên anh không có mặt để tham gia phiên hòa giải, phiên họp công khai chứng cứ tại Tòa án được, do đó anh làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Chị Bùi Thị T cũng có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh H đảm bảo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị Bùi Thị T và anh Lê Huy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình. Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau từ năm 2020 đến nay. Chị T làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn, anh H đồng ý, tuy nhiên do anh đang đi làm xa không về Tòa án để tham gia phiên họp, phiên hòa giải của Tòa được, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh. Do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị Bùi Thị T.

[5]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011; Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016. Chị T có nguyện vọng nuôi cháu Lê Thị Ngọc Á, cháu Á cũng có

nguyện vọng ở với mẹ, anh H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lê Thái T1 và cháu Lê Huy H2, cháu T1 và cháu H2 có nguyện vọng ở với bố. Cháu T1 và cháu H2 ở cùng với bố và ông bà nội nhưng do hiện nay anh H đi làm ăn xa nên cháu T1 và cháu H2 ở cùng với ông bà nội, hàng tháng anh H gửi tiền về chăm sóc cho các cháu đảm bảo điều kiện để các cháu phát triển tốt. Do đó, nên giao cháu Ngọc Á cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Lê Thái T1 và cháu Lê Huy H2 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T và anh H không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[6]. Về tài sản, công nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; ; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Lê Huy H.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị Ngọc Á, sinh ngày 31/8/2011 cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Giao cháu Lê Thái T1, sinh ngày 29/5/2014 và cháu Lê Huy H2, sinh ngày 11/02/2016 cho anh Lê Huy H trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T, anh H có quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên có quyền khởi kiện về việc cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số BLTU/24/0002613, ngày 22/8/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy. Chị T không phải nộp nữa.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Bùi Thị T; anh Lê Huy H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Thủy;
- UBND xã Cẩm Châu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Dung